



Số : /TTr/2025/QTC-HĐQT

Quảng Nam, ngày 25 tháng 3 năm 2025

**TỜ TRÌNH**

**DỰ THẢO**

V/v: Thông qua kết quả hoạt động SXKD năm 2024 và  
Kế hoạch hoạt động SXKD năm 2025

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020

- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cp Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Viễn thông kính trình Đại hội cổ đông thông qua sau:

**1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2024, báo cáo Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2024:**

Các chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024 trên báo cáo tài chính đã kiểm toán:

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu                            | Thực hiện năm 2024    | Thực hiện năm 2023    | Tỷ lệ 2024/2023 (%) |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|---------------------|
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                 | <b>26.842.481.932</b> | <b>32.157.638.790</b> | <b>83,47%</b>       |
| Tài sản cố định và đầu tư dài hạn   | 1.142.379.912         | 1.266.613.098         | 90,19%              |
| Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn | 25.700.102.020        | 30.891.025.692        | 83,20%              |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                  | <b>5.927.289.723</b>  | <b>10.511.438.011</b> | <b>56,39%</b>       |
| <b>NỢ PHẢI THU</b>                  | <b>13.146.755.840</b> | <b>23.557.138.894</b> | <b>55,81%</b>       |
| <b>NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>         | <b>20.915.192.209</b> | <b>21.646.200.779</b> | <b>96,62%</b>       |
| + Vốn điều lệ                       | 15.000.000.000        | 15.000.000.000        |                     |
| + Thặng dư vốn cổ phần              | 6.673.350.000         | 6.673.350.000         |                     |
| + Cổ phiếu quỹ                      | (1.605.498.388)       | (1.605.498.388)       |                     |
| + Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 847.340.597           | 1.578.349.167         | 53,69%              |
| <b>TỔNG DOANH THU</b>               | <b>27.542.695.123</b> | <b>57.786.420.240</b> | <b>47,66%</b>       |
| <b>TỔNG CHI PHÍ</b>                 | <b>26.475.177.791</b> | <b>55.399.598.596</b> | <b>47,79%</b>       |
| <b>LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ</b>         | <b>1.067.517.332</b>  | <b>2.386.821.644</b>  | <b>44,73%</b>       |

| Chỉ tiêu           | Thực hiện năm 2024 | Thực hiện năm 2023 | Tỷ lệ 2024/2023 (%) |
|--------------------|--------------------|--------------------|---------------------|
| LỢI NHUẬN SAU THUẾ | 847.340.597        | 1.578.349.167      | 53,69%              |

## 2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra năm 2024:

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Chỉ tiêu               | Kế hoạch năm 2024 | Thực hiện năm 2024 | Tỷ lệ % theo kế hoạch |
|-----|------------------------|-------------------|--------------------|-----------------------|
| 1   | Tổng giá trị doanh thu | 47.700.000.000    | 27.542.695.123     | 57,74%                |
| 2   | Tổng chi phí           | 45.750.000.000    | 26.475.177.791     | 57,87%                |
| 3   | Lợi nhận trước thuế    | 1.950.000.000     | 1.067.517.332      | 54,74%                |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | 1.537.000.000     | 847.340.597        | 55,13%                |
| 5   | Tỷ lệ chia cổ tức      | 8                 | 5                  | 62,50%                |

## 3. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025:

Đơn vị tính: Đồng

| Stt | Chỉ tiêu               | Thực hiện năm 2024 | Kế hoạch năm 2025 | Tỷ lệ tăng trưởng 2025/2024 |
|-----|------------------------|--------------------|-------------------|-----------------------------|
| 1   | Tổng giá trị doanh thu | 27.542.695.123     | 35.400.000.000    | 128,53%                     |
| 2   | Tổng chi phí           | 26.475.177.791     | 2.150.000.000     | 8,12%                       |
| 3   | Lợi nhận trước thuế    | 1.067.517.332      | 1.376.400.000     | 128,93%                     |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế     | 847.340.597        | 1.147.000.000     | 135,36%                     |
| 5   | Tỷ lệ LNST/VĐL         | 5,65%              | 7,65%             | 135,36%                     |
| 6   | Tỷ lệ chia cổ tức      | 5%                 | 7%                | 140,00%                     |

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

**T.M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Lê Tấn Long**